

Bản án số: 16 /2021/HNGĐ.

Ngày: 01/02/2021

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**
- Các thẩm phán : Ông Nguyễn Đức Lập  
Ông Ngô Tiến Phong
- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Đinh Thúy Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội : **Bà Trịnh Thu Tân**  
Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thụ lý số 137/2020/HNGĐ-PT ngày 20 tháng 08 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2021/QĐXX PT-HNGĐ ngày 13 / 11 /2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 15 /QĐHPT-HNGĐ ngày 13 / 11 /2020 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* **B.N.T.K.Ysinh năm 1937.**

HKTT: Số 194 Phùng Hưng, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh;

Trú tại: Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: Bà T C T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 116B-K1, tập thể học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Giấy ủy quyền số công chứng 5194 ngày 2/4/2018 tại Văn phòng công chứng Dương Thị Cẩm Thủy, thành phố Hồ Chí Minh.

+ *Bị đơn:* Ông **Ngô Duy D.**, sinh năm 1928.

HKTT và chỗ ở hiện nay: Số 194 Phùng Hưng, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền: Ông Ng T V, sinh năm 1981; Địa chỉ: Khu vực 1, Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Giấy ủy quyền số công chứng 5193 ngày 2/4/2018 tại Văn phòng công chứng Dương Thị Cẩm Thủy, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Ng D T, sinh 1940; Địa chỉ: số 145 Phan Đình Giót, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Ng Th Ng sinh 1941; Địa chỉ: 140 Phạm Hồng Thái, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Bà Ng Th Tr , sinh 1944; Địa chỉ: 204A2 ngõ 105 Nguyễn Công H quận Ba Đình, Hà Nội.

4. Bà NgTh H H sinh 1949; Địa chỉ: 6A11 tập thể Học viện Nguyễn Ái Quốc, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội.

5. Ông N D Kh , sinh 1950; Địa chỉ: số 6 Phan Đình Phùng, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

6. Bà Ng Th M, sinh 1955; Địa chỉ: số 3 ngõ Công Đồng, tổ 1, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

7. Ông N D T, sinh 1964; Địa chỉ: số 3 ngõ Công Đồng, tổ 2, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

8. Ông Ng D Ng sinh 1972; Địa chỉ: 1 ngõ 19, xóm Ngõ Giữa, tổ 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

9. Bà L Th Th M, sinh năm 1940; Hộ khẩu: số 28 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: Nhà số 9 ngách 1, ngõ 48, xóm Ngõ Ngang, tổ dân phố 4, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

10. Chị Ng M Th, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số 577 đường Quang Trung, phường Phú La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

11. Anh Ng D Th, sinh năm 1964; Địa chỉ: số 28 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Chỗ ở: nhà số 9 ngách 1, ngõ 48, xóm Ngõ Ngang, tổ dân phố 4, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

12. Anh Ng D V, sinh năm 1965; Địa chỉ: số nhà 17 ngõ 53/1 Nguyễn Ngọc Vũ, tổ dân phố 2, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

13. Chị N M H, sinh năm 1970; Địa chỉ: số 112B, dãy Đ2, tập thể hồ Việt Xô, phố Tây Kết, tổ dân phố 11E, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

14. C Ng Th Th H sinh năm 1975; Hộ khẩu: số 28 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Chỗ ở và nơi làm việc hiện nay: Công ty TNHH Vũ Minh, Phòng 10, lầu 9, Cao ốc An Khang B, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

### **NHẬN THẤY**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cùng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

B.N.T.K. Ykết hôn với ông Ng D D. với nhau năm 1959, vợ chồng có 3 người con chung nay đã trưởng thành. Quá trình chung sống vợ chồng bà Y tạo lập được khối tài sản chung là nhà đất trên diện tích 276,3 m<sup>2</sup> đất tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Do vợ chồng bà Y không thống

nhất về việc sử dụng mảnh đất nói trên. Nay tôi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là nhà đất trên diện tích 276,3m<sup>2</sup> tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Cụ Ngô Duy Cẩn chết 1982 có 05 người vợ là: Cụ Nguyễn Thị Diệp chết năm 1992; Cụ Vũ Thị Bằng chết năm 1967; Cụ Nguyễn Thị Khoan chết năm 2010; Cụ Nguyễn Thị Gián; Cụ Nguyễn Thị Thử chết năm 1995. Gồm các con: Ngô Duy D.; Ngô Duy Toàn; Ngô Duy Hoàn chết năm 2018 có vợ là bà Lý Thị Thanh Mai và các con là: chị Ngô Mai Thanh, anh Ngô Duy Thành, anh Ngô Duy Vân, chị Ngô Mai Hạnh, chị Ngô Thị Thanh Hiền; Bà Ngô Thị Ngoan; Ngô Thị Tr; N.T .H.H; Ngô Duy Khoan; Ngô Thị Mùi; Ngô Duy Thoan (đã chết); Ngô Duy Toán; Ngô Duy Ngoan.

Nhà đất vợ chồng bà Y, ông D. tranh chấp có nguồn gốc như sau: Theo văn tự mua bán năm 1954 thửa ao mang số hiệu 10 diện tích 470m<sup>2</sup> ở kho Chiến Thắng xã Văn Khê Hà Đông ( nay thuộc phường Văn Khê, quận Hà Đông) do cụ Ngô Duy Cẩn mua cho hai anh em là Ngô Duy D. và Ngô Duy Hoàn. Năm 1968 cụ Cẩn chấp hành chủ trương của nhà nước đã đưa thửa ao trên vào hợp tác xã. Do có nhu cầu làm nhà ở nên năm 1982 chồng tôi là ông Ngô Duy D. đứng đơn đề nghị hợp tác xã nông nghiệp La Khê chuyển nhượng thửa đất cho gia đình. Ngày 25/5/1982 Ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp La Khê đồng ý chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng bà Y, ông D.. Ngay sau đó, vợ chồng ông D., bà Y đã thanh toán đầy đủ tiền mua đất cho Hợp tác xã, thể hiện tại phiếu thu tiền số 609 ngày 21/12/1982 của hợp tác xã, xác nhận ông Ngô Duy D. đứng tên nộp 1.500 đồng trả tiền mua thửa đất để làm nhà. Tiền mua đất là tiền chung của vợ chồng tích góp được trong quá trình chung sống. Sau khi giao tiền vợ chồng ông D. bà Y đã nhận đất sử dụng ổn định, ông D. đứng tên chủ sử dụng mảnh đất.

Theo bản đồ năm 1985 thì thửa ao trên có số thửa 299 có diện tích 269m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 9 do ông Ngô Duy D. đứng tên kê khai sử dụng.

Theo bản đồ năm 1998 thửa ao trên có số thửa 60 diện tích 276,3m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 36 đứng tên kê khai sử dụng là ông Ngô Duy D..

Năm 2004 vợ chồng bà Y đổ đất lấp ao và làm một ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất để ở. Quá trình quản lý sử dụng hàng năm gia đình đều thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước. Nay bà Y đề nghị xác nhận thửa đất số 60, tờ bản đồ số 36 ( bản đồ lập năm 1998 ) tại địa chỉ: Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, diện tích 276,3m<sup>2</sup> là tài sản chung vợ chồng ông Ngô Duy D. và bà Nguyễn Thị Kim Yến, do mâu thuẫn vợ chồng bà Y đề nghị chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất trên. Nếu ông D. đồng ý thì bà Y nhất trí đồng ý giao cho ông D. toàn quyền sử dụng nhà đất trên và thanh toán cho tôi số tiền bằng ½ giá trị tài sản.

- ***Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông N Tr V trình bày:*** Về việc kết hôn, con chung và nguồn gốc tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân như bà Ytrình bày là đúng, do vợ chồng ông D. không thống nhất về việc phân chia nhà đất của vợ chồng tại La Khê nên bà Y khởi kiện ông D., nay tôi nhất trí với yêu cầu của bà Y đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là nhà và đất diện tích 276,3m<sup>2</sup> tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Trên đất có nhà cấp bốn do vợ chồng xây dựng năm 2004. Về nguồn gốc thửa đất như bà Ytrình bày là đúng, tôi đồng ý yêu cầu của bà Y giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho ông D. và ông D. sẽ có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà Yến.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Bà N.T Trtrình bày: Bà Ykết hôn với ông D. năm 1959 nhưng bà Ykhông có quyền khởi kiện đòi phân chia tài sản chung vợ chồng giữa bà Yvà ông D., vì tài sản mà bà Ykhởi kiện không phải là tài sản chung của vợ chồng. Nguồn gốc thửa đất 276,3m<sup>2</sup> tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có từ năm 1954, có trước hôn nhân của ông D. và bà Yến. Tài sản trên có nguồn gốc là trước đây là đất ao. Năm 1954 cụ Ngô Duy Cẩn (bố đẻ của ông D. và ông Hoàn) mua thửa đất trên cho hai ông là Ngô Duy D. (chồng bà Yến) và ông Ngô Duy Hoàn (chồng bà Mai). Năm 1968 cụ Cẩn chấp hành chủ trương của nhà nước đã đưa thửa ao trên vào hợp tác xã. Năm 1982 cụ Cẩn làm đơn xin lại ao. Vì vậy là tài sản của ông D. và ông Hoàn có văn tự gốc mua đất cho hai ông. Tôi có đơn yêu cầu độc lập đề nghị phân chia thửa đất ao trên theo nội dung văn tự năm 1954 cho ông D. và ông Hoàn. Tôi đề nghị ông D. phải nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ là đơn xin ao bản chính của cụ Cẩn mà ông D. đang lưu giữ. Do ông Hoàn đã chết mà bà Mai cùng các con không yêu cầu nên chúng tôi gồm (bà Tr, bà Hoàn, bà Ngoan) là hàng thừa kế thứ hai của ông Hoàn yêu cầu được hưởng thừa kế của ông Ngô Duy Hoàn.

+ Bà N.T.H.Trình bày: Ý kiến của tôi cũng nhất trí với ý kiến của bà Tr đã trình bày. Tôi có đơn yêu cầu độc lập đề nghị phân chia thửa đất ao trên theo nội dung văn tự năm 1954 cho ông D. và ông Hoàn. Tôi đề nghị ông D. phải nộp đầy đủ tài liệu chứng cứ là đơn xin ao bản chính của cụ Cẩn mà ông D. đang lưu giữ. Chị em tôi yêu cầu được hưởng thừa kế của anh Ngô Duy Hoàn.

Bà Hoàn và bà Tr có đề nghị chúng tôi là người nhận ủy quyền của bà Ngô Thị Ngoan cũng giữ nguyên yêu cầu như chúng tôi.

+ Bà Lý Thị Thanh Mai trình bày: Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp giữa bà Yvà ông D. như sau: Trước đây là đất ao có diện tích 276,3m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 60, tờ bản đồ 36, lập năm 1998, tại địa chỉ: Ngõ Giữa, tổ 3, phường La Khê, quận Hà Đông. Năm 1943 cụ Ngô Duy Cẩn mua thửa đất ao trên cho hai ông là Ngô Duy D., và ông Ngô Duy Hoàn. Đến năm 1958 sau cải cách ruộng đất, thửa đất trên vào Hợp tác xã

và đến năm 1982 Ban quản trị HTX Nông Nghiệp La Khê chuyển nhượng cho vợ chồng bà Y và ông D., việc chuyển nhượng trên gia đình bà không biết. Từ khi bà Y và ông D. nhận chuyển nhượng đến nay vẫn do bà Y và ông D. sử dụng, gia đình bà không sử dụng. Ông Ngô Duy Hoàn mất ngày 18/01/2018; khi ông Hoàn còn sống cũng không có ý kiến gì về thửa đất trên. Nay bà và các con bà không có ý kiến gì về thửa đất trên trước cơ quan pháp luật.

+ Anh *Ngô Duy Thành* trình bày: Quan điểm của tôi cũng thống nhất với quan điểm của mẹ tôi là bà Lý Thị Thanh M. Gia đình tôi không có ý kiến gì về thửa đất ao 276.3m<sup>2</sup>, thửa số 60, tờ bản đồ 36 tại Ngõ Giữa, tổ 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội do bà Y và ông D. khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

+ Chị *Ngô Mai Th* trình bày: Về nguồn gốc thửa đất tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tôi không nắm được vì tôi là thế hệ con cháu nên tôi không có ý kiến về thửa đất trên. Hiện nay bà Y và ông D. đang sinh sống tại quận 1 thành phố Hồ Chí Minh. Tôi đề nghị bà Y và ông D. ra Hà Nội họp gia đình để giải quyết vấn đề nội bộ trước khi ra Tòa án bởi vì chúng tôi không biết gì về việc kiện chia tài sản của bà Y và ông D..

+ Ông Ngô Duy Toàn, ông Ngô Duy Toán, ông Ngô Duy Ngoạn, ông Ngô Duy Khoan, bà Ngô Thị Mùi đều có lời khai thống nhất: Năm 1954, bố tôi có mua thửa đất ao diện tích hơn 400m<sup>2</sup> của ông Nguyễn Hữu Nh, lúc đó bố tôi để cho hai người con trai là Ngô Duy D. và Ngô Duy H đứng tên trên giấy tờ mua bán. Đến năm 1968, theo chủ trương của Nhà nước, bố tôi đã đưa diện tích đất này vào hợp tác xã và hợp tác xã quản lý sử dụng. Năm 1982, vợ chồng anh D., chị Y có nhu cầu mua đất làm nhà ở. Ông Toàn, ông Toán, ông Ngoạn, ông K H và bà Bùi đều khẳng định thửa đất số 60, tờ bản đồ 36 có diện tích 276,3m<sup>2</sup> tại Ngõ Giữa, Tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội là tài sản chung vợ chồng của anh Ngô Duy D. và chị N.T.K.Y không liên quan đến bố mẹ hay các anh chị em chúng tôi. Nay ông D. và bà Y có yêu cầu phân chia tài sản là thửa đất trên chúng tôi không có ý kiến gì và chúng tôi không liên quan đến thửa đất trên.

- Ngày 9/8/2019 bà N.T Tr và bà N.T .H có đơn yêu cầu độc lập.

Tại công văn số 210/CABĐ ngày 10/9/2019 của Công an phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội cung cấp: Tại địa chỉ số 112B dãy D2, tập thể Hồ Việt Xô, phố Tây Kết, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội hiện nay có chị Ngô Mai Hạnh sinh năm 1970 đang sinh sống tại địa chỉ này nhưng không có đăng ký hộ khẩu thường trú. Chị Ngô Mai Hạnh có HKTT tại: P10 N9 khu K9, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Tại biên bản xác minh ngày 21/3/2019 và ngày 16/12/2019 Công an phường Nguyễn Trãi, quận Hà Đông, Hà Nội cung cấp: Bà Lý Thị Thanh Mai, sinh năm 1940; anh Ngô Duy Thành, sinh năm 1964; Chị Ngô Thị Thanh Hiền, sinh năm 1975 có đăng ký HKTT tại số nhà 28 Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Trãi, quận Hà

Đông, thành phố Hà Nội, nhưng không sinh sống tại địa chỉ trên; anh Ngô Duy Th hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 4 phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Bà Lý Thị Thanh M, chị Ngô Thị Th H hiện sinh sống làm gì ở đâu Công an phường Nguyễn Trãi chưa nắm được.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2019, Công an phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy cung cấp: Anh Ngô Duy V sinh năm 1965 có đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại địa chỉ số 17 ngõ 53/1 Nguyễn Ngọc Vũ , tổ dân phố 2, phường Trung Hòa , quận Cầu Giấy , Hà Nội.

Tại biên bản xác minh ngày 16/12/2019, Công an phường La Khê cung cấp: xác minh nơi cư trú của bà Lý Thị Thanh M sinh năm 1940 và anh Ngô Duy Th sinh năm 1964. Tại địa chỉ số nhà 9, ngách 1, ngõ 48, xóm Ngõ Ngang, tổ dân phố 4, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội thì có anh Ngô Duy Thành sinh sống tại địa chỉ trên, còn bà Lý Thị Thanh M không ở địa chỉ trên.

Tại biên bản xác minh ngày 17/12/2019, Công an phường Phú La cung cấp: Chị Ngô Mai Th sinh năm 1960 có đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ số nhà 557, tổ dân phố 4, phường Quang Trung Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội nhưng thường xuyên đi vắng thỉnh thoảng có mặt ở nhà.

Đối với anh Ngô Duy V chị Ngô Thị Thanh H, chị Ngô Mai H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa và không thể hiện quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án.

Tại biên bản định giá ngày 28/8/2019 thì tài sản chung của bà Y và ông D. được định giá như sau:

- Đất ở (nguồn gốc là đất ao, hiện chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) diện tích  $277,7m^2 \times 25.000.000 \text{ đồng}/m^2 = 6.942.500.000 \text{ đồng}$ .

- Nhà cấp bốn, lợp mái tôn, xây năm 2004 có diện tích  $89,8m^2 \times 2.522.000/m^2 \times 30\% = 67.942.680 \text{ đồng}$ .

- Tường rào xây năm 2004, có diện tích  $43,44m^2 \times 671.733 \text{ đồng}/m^2 \times 30\% = 8.754.024.000 \text{ đồng}$ .

Tại biên bản xác minh ngày 28/8/2019 về nguồn gốc thửa đất theo bản đồ năm 1985 thể hiện thửa đất là đất ao, có số thửa 299, diện tích là 269 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 5 do ông Ngô Duy D. đứng tên sử dụng. Theo bản đồ năm 1998 thể hiện: thửa đất là đất ở có số thửa 60, diện tích 276,3m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 36 do ông Ngô Duy Toàn đứng tên kê khai sử dụng.

Tại bản án số 116/2020/HNGĐ-ST ngày: 13/02/2020 của Tòa án Nhân dân Quận Hà Đông đã xét xử và quyết định : *Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Điều 228, Điều 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Điều 33; 38; 59 Luật hôn nhân và gia đình.*

*Điều 209; 213; 219 bộ luật dân sự năm 2015.*

Xử: 1. Xác nhận khối tài sản gồm 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị là 7.017.196.704 đồng là tài sản chung của vợ chồng giữa bà N.T.K.Y và ông Ngô Duy D..

2. Bác yêu cầu độc lập của bà N.T.Tr và N.T.H.H.

3. Phân chia cụ thể : Giao cho Ngô Duy D. quyền sở hữu , sử dụng 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị là 7.017.196.704 đồng.

4. Phần thanh toán giữa các bên:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Duy D. phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà N.T.K.Y là 3.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự cũng như luật thi hành án Không nhất trí với quyết định của Tòa án Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà N.T.Tr và Bà N.T.H.H, kháng cáo bản án đề nghị Tòa án chia tài sản thừa kế của anh trai hai bà

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý giao toàn bộ nhà đất cho ông Ngô Duy D. nhưng ông D. phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Y là 3.500.000 đồng, phía người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng ý với đề nghị của nguyên đơn. Bà Tr và bà Hoan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập và đề nghị được hưởng thừa kế của ông Ngô Duy Hoàn.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà nội tham gia phiên tòa có ý kiến:*

Về tố tụng: Việc thụ lý phúc thẩm, giải quyết vụ án được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành đúng thủ tục tố tụng, các đương sự tham gia tố tụng đúng qui định

Về nội dung: **Đề nghị căn cứ điều 308 khoản 1 BLTTDS : Xử : Giữ nguyên bản án sơ thẩm .** Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.T.Tr, N.T.H.H;

- Xác nhận quá trình chung sống tài sản chung của vợ chồng bà Y, ông D. gồm: 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, La Khê, quận Hà Đông , thành phố Hà Nội có giá trị 7.017.196.704 đồng.

- Giao cho ông Ngô Duy D. sở hữu sử dụng: 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị 7.017.196.704 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D. thanh toán cho bà Y số tiền là 3.500.000.000 đồng.

- Bác yêu cầu phản tố của bà N.T Tr, N.T .H.H.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra công khai tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến của kiểm sát viên và đương sự.

### **XÉT THẤY**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đơn kháng cáo của người liên quan, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi liên quan là của bà N.T Tr, N.T .H.H.vào ngày 31/08/2020 là hợp lệ.

Trong vụ án này bị đơn là ông Ngô Duy D. có hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tại số 194 Phùng Hưng, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh nhưng đối tượng tài sản tranh chấp là 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà Y và ông D. là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp Tòa án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm c khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông K H ông T, ông T, ông Nn, chị Th bà M đã có lời khai và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Bà Mai, anh Thành, anh Vân, chị Hiền, chị Hạnh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật. Bà H bà Tr có yêu cầu độc lập đề nghị xác định khối tài sản mà bà Y và ông D. tranh chấp là tài sản chung của ông D. và ông Hoàn, các bà yêu cầu được hưởng thừa kế của ông Hoàn, Tòa án căn cứ vào điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về Tài sản: Khối tài sản gồm 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội mà vợ chồng bà N.T.K.Y và ông Ngô Duy D. đang tranh chấp có nguồn gốc như sau: Theo văn tự mua bán năm 1954 thửa ao mang số hiệu 10 diện tích 470m<sup>2</sup> ở kho Chiến Thắng xã Văn Khê Hà Đông (nay thuộc phường Văn Khê, quận Hà Đông) do cụ Ngô Duy Cẩn mua cho hai anh em là Ngô Duy D. và Ngô Duy Hoàn. Năm 1968 cụ Cẩn chấp hành chủ trương của nhà nước đã đưa thửa ao trên vào hợp tác xã. Do có nhu cầu làm nhà ở nên năm 1982 gia đình cụ Cẩn và ông Ngô Duy D. đứng đơn đề nghị hợp tác xã nông nghiệp La Khê chuyển nhượng thửa đất này. Ngày 25/5/1982 Ban quản trị hợp tác xã nông nghiệp La Khê đồng ý chuyển nhượng thửa đất cho ông D.. Tại phiếu thu số 609 ngày 21/12/1982 ông Ngô Duy D. đứng tên nộp 1.500 đồng trả tiền

mua thửa đất sau đó vợ chồng ông D. làm 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> đất để ở. Quá trình quản lý sử dụng hàng năm gia đình ông D. đều thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước đầy đủ.

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa ao các bên đang tranh chấp là của cụ Ngô Duy C mua cho hai anh em là Ngô Duy D. và Ngô Duy H và thừa nhận đến năm 1968 cụ Cấn chấp hành chủ trương của nhà nước đã đưa thửa ao trên vào hợp tác xã nông nghiệp La Khê, như vậy kể từ thời điểm cụ Cấn giao cho hợp tác xã quản lý thửa ao thì quyền sử dụng thửa ao không còn là tài sản chung của ông Ngô Duy D. và Ngô Duy H mà quyền sử dụng thuộc về Hợp tác xã nông nghiệp La Khê. Sau đó năm 1982 do có nhu cầu về chỗ ở nên gia đình cụ Cấn và ông D. có làm đơn đề nghị Hợp tác xã xin mua lại chiếc ao trên để làm nhà ở và hợp tác xã đã cấp cho ông Ngô Duy D. để làm nhà ở, ông D. đã nộp số tiền 1.500 đồng có phiếu thu tiền số 609 ngày 21/12/1982 với nội dung: Trả tiền mua lại 1 sào ao để làm nhà ở. Như vậy mặc dù có việc cụ Cấn và ông D. làm đơn xin mua ao nhưng hợp tác xã chuyển nhượng cho ông D. và người nộp tiền lệ phí với Hợp tác xã là ông D. nên quyền sử dụng đất của ông Ngô Duy D.. Bà Hoan và bà Tr cho rằng quyền sử dụng thửa ao là tài sản chung giữa ông D. và ông Hoàn nay ông Hoàn đã chết các bà có yêu cầu độc lập đề nghị được hưởng thừa kế của anh Ngô Duy Hoàn là không có căn cứ. Hơn nữa ngoài nguồn chứng cứ trên các bà không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác chứng minh tài sản của ông Hoàn .

Bà Y kết hôn với ông D. năm 1959. Bà Y và ông D. đều thừa nhận khoản tiền mua đất, làm nhà do vợ chồng tích cóp làm nên trong thời kỳ hôn nhân nên phải xác định khối tài sản gồm 01 nhà cấp 4, tường rào xây gạch trên diện tích 276,3m<sup>2</sup> đất tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 36 (bản đồ lập năm 1998), địa chỉ: Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, diện tích 276,3m<sup>2</sup> là tài sản chung vợ chồng ông Ngô Duy D. và bà Nguyễn Thị Kim Yến, do mâu thuẫn vợ chồng bà Y đề nghị chia tài sản chung vợ chồng là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất là có căn cứ.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 28/8/2019 thì toàn bộ nhà đất gồm 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị là 7.017.196.704 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà Y đề nghị được hưởng tài sản chung bằng giá trị nhưng phần nhiều hơn  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản, bà Y đồng ý giao cho ông D. toàn quyền sử dụng nhà đất trên và thanh toán cho bà số tiền là 3.500.000.000 đồng. Phía ông D. cũng nhất trí với đề nghị của bà Yến, cụ thể được sở hữu sử dụng nhà đất để làm nơi thờ cúng cần chấp nhận. Theo đúng tinh thần của điều 59 luật hôn nhân và gia đình đúng nguyên tắc bà Y chỉ được chia 1 phần ít hơn ông D. trong khối tài sản này tuy nhiên bản án sơ thẩm không có kháng cáo , kháng nghị hơn nữa các đương sự đã tự định đoạt nên pháp luật không can thiệp .

[3] Về án phí: Bà Yến, ông D. phải chịu án phí chia tài sản chung sơ thẩm, bà H và bà Tr phải chịu án phí yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên căn cứ Điểm d khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Y, ông D., bà Hoan, bà Tr là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Bà Y đã nộp tạm ứng án phí nay được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Từ những phân tích nhận định trên, Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự*

### **QUYẾT ĐỊNH**

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

*Điều 33; 38; 59 Luật hôn nhân và gia đình.*

*Điều 209; 213; 219 bộ luật dân sự năm 2015.*

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N.T Trv và N.T .H.H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 116/2020/HNGĐ-ST ngày: 13/02/2020 của Tòa án Nhân dân Quận Hà Đông:

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim Y đối với ông Ngô Duy D. .

1. Xác nhận khối tài sản gồm 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị là 7.017.196.704 đồng là tài sản chung của vợ chồng giữa bà N.T.K.Y và ông Ngô Duy D..

3. Phân chia cụ thể : Giao cho Ngô Duy D. quyền sở hữu, sử dụng 01 nhà cấp bốn, lợp mái tôn, tường rào trên diện tích 277,7m<sup>2</sup> ở tại Ngõ Giữa, tổ dân phố 3, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội có giá trị là 7.017.196.704 đồng.

4. Phân thanh toán giữa các bên:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Duy D. phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho bà N.T.K.Y là 3.500.000 đồng.

Bác yêu cầu độc lập của bà N.T Trv và N.T .H.H.

Ông D. có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký tài sản theo qui định của pháp luật đất đai .

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trong trường hợp bản*

*án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

5. Về án phí: Miễn án phí chia tài sản sơ thẩm cho bà Yên, ông D. và án phí yêu cầu độc lập không được chấp nhận cho bà H bà Tr. Bà Y được hoàn lại 15.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại BL số 0000861 ngày 28/11/2012 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án .

**Nơi nhận:**

- TAND Quận Hà đông ;
- Cục THA Hà nội ;
- VKSND TP Hà Nội
- Các đương sự
- Lưu ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thanh Huyền**